

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH THANH HÓA

Bản án: 259 /2023/ HSST.

Ngày: 13/7/2023.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận

Ông Đỗ Khắc Kiếm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát ND thành phố T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên

Ngày 13/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 284/2023/HSST ngày 19/6/2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2023/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo: **Nguyễn Đình D** - sinh năm: 1980; nơi cư trú: **Phố A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông **Nguyễn Đình H** và con bà **Hoàng Thị N**; vợ là: **Thiều Thị Thu H1** và có 02 con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Ngày 23/4/2012 bị TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (đến ngày 17/8/2012 thực hiện xong phần án phí và

ngày 22/12/2014 chấp hành xong hình phạt tù); Ngày 27/11/2015 bị TAND huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 tháng 20 ngày tù về tội “Đánh bạc” (đến ngày 27/11/2015 chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành phần án phí HSST và tiền phạt bổ sung 10.000.000đ); tiền sự: không; nhân thân: Ngày 27/9/2017 bị Công an thành phố T xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”; Ngày 03/12/2021 bị Công an thành phố T xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”; tạm giữ: 28/3/2023; tạm giam: 06/4/2023. Hiện bị cáo đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Đình D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 12h00’ ngày 28/03/2023, Tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố T phối hợp với Công an phường Đ và Công an phường Q làm nhiệm vụ tại đường L, phố L, phường Đ, thành phố T, phát hiện Nguyễn Đình D có biểu hiện liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, tại thời điểm kiểm tra, D tự giác giao nộp 02 gói giấy màu trắng kích thước mỗi gói heroin 01x1,5cm, bên trong mỗi gói đều chứa chất cục bột màu trắng. D khai nhận số ma túy trên là của D cất giấu để bán kiếm lời. Tổ công tác đã lập biên bản đối với D về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày 29/03/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật, phương tiện của Nguyễn Đình D tại phố A, phường Q, thành phố T, không phát hiện thu giữ gì.

Về nguồn gốc ma túy: D khai nhận khoảng 11h ngày 28/03/2023, D đi bộ đến khu vực cầu L, phường Đ, thành phố T mua của một người tên M (thường gọi là Mạnh B) nhà ở đường N, phường Đ 02 gói ma túy heroin với giá 1.000.000đ để bán

cho người nghiện với giá 600.000đ/gói nhưng chưa bán được thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang.

Kết quả giám định của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Chất cục bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,193g (không thấy một chín ba gam) loại Heroin.

Việc thu giữ đồ vật; xử lý vật chứng vụ án: Sau giám định, Cơ quan giám định đã hoàn lại mẫu vật giám định gồm toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 0,181gam chất bột màu trắng. Tất cả cho vào một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Hoàng Tiến D1 và các hình dấu của phòng K Công an tỉnh T và 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số I: 357723113702126, Imei2: 357723113702134, bên trong lắp sim số 0944645236 và sim số 0945645199.

Toàn bộ số ma túy (H2) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn M1, D1 khai là người bán ma túy cho D1. Quá trình điều tra đã tiến hành đối chất giữa D1 và M1, nhưng M1 không thừa nhận việc bán ma túy cho D1; ngoài lời khai của D1 không còn tài liệu nào để chứng minh M1 đã bán ma túy cho D1 nên không có căn cứ để xử lý.

Cáo trạng số 231/CT - VKS - TPTH ngày 19/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Nguyễn Đình D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm q khoản 2 Điều 251 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động N1 màu đen.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã đ-ược thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Hồi 12h00' ngày 28/3/2023, tại đường L, phố L, phường Đ, thành phố T, Nguyễn Đình D có hành vi cất giấu 0,193g (không thấy một chín ba gam) ma túy loại Heroin với mục đích bán kiếm lời thì bị Công an thành phố T phát hiện, bắt quả tang.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Đình D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đình D đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Vì bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 của BLHS.

[3] Trong vụ án này bị cáo biết rõ các tệ nạn về ma túy, nhất là người nghiện ma túy không những tha hóa về phẩm chất đạo đức, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội và sự thuần phong mỹ tục của dân tộc. Đặc biệt ma túy còn là một trong những tác nhân làm lây lan căn bệnh HIV/AIDS phát triển, bị cáo cũng vì lợi nhuận dẫn đến việc phạm tội. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn tạo ra dư luận xấu trong nhân dân, tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Đình D là đối tượng có nhân thân xấu, phạm tội tội rất nghiêm trọng. cần phải cách ly khỏi xã hội để bị cáo có thời gian cải tạo, sửa chữa sai phạm. Tuy

nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Trong vụ án này bị cáo mua ma túy để bán nhưng chưa kịp bán, do đó không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Số ma túy thu được của bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành. Đối với 01 điện thoại di động **N1** màu đen không dùng vào việc phạm tội, cần áp dụng khoản 1; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS để tịch thu tiêu hủy toàn bộ số **H2** và trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động **N1**.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS; khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đình D** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình D** 07(bày) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì ma túy niêm phong của **Phòng K - Công an tỉnh T**, có hình dấu của Phòng kỹ thuật, kèm chữ ký, chữ viết của **Nguyễn Trần Đ, Hoàng Tiến D1**.

Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Đình D** 01 chiếc điện thoại di động **N1** màu đen, model: TA -1174, Imel 1: 357723113702126, điện thoại gắn kèm sim. Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 193/2023/THA ngày 20/6/2023.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

-Bị cáo;

-VKSND tỉnh Thanh Hóa;

-VKSND TPTH;

- Công an TP. Thanh Hóa;

-Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh